

Bản án số: 38/2023/HNGĐ-ST

Ngày 22/12/2023

"V/v ly hôn, nuôi con chung "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN THI - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa pH tòa: Ông Phạm Bá Hân

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang Chủ - Cán bộ nghỉ hưu

Bà Nguyễn Thị Kim Huyền - Cán bộ phòng lao động tH bình
và xã hội huyện An Thi

-Thư ký pH tòa: Bà Hoàng Thị Ái - Thư ký TAND huyện An Thi, tỉnh Hưng Yên

- Đại diện VKSND huyện An Thi tham gia pH tòa: Bà Nguyễn Thị Hữu - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 12 năm 2023, Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2023/TLST - HNGĐ ngày 25/10/2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2023/QĐXX- HNGĐ ngày 28/11/202 và Quyết định hoãn pH tòa số 35/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 12/12/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn : Chị Đặng Thị Hồng H, sinh năm 1985

- Bị đơn : Anh Trần Văn H, sinh năm 1981

- Người có QLVN liên quan: 1. Cháu Trần Thị Thùy D, sinh ngày 18/4/2006

2. Cháu Trần Phi H, sinh ngày 12/7/2009

Người đại diện hợp pháp của các cháu: Chị H – mẹ đẻ của các cháu

Đều trú tại: A NL, NT, An Thi, Hưng Yên

Chị H, anh H có mặt

NỘI D VU ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 16/12/2022 và lời khai của chị H trình bày: Chị và anh H tìm hiểu nhau 01 năm thì đăng ký kết hôn tại UBND xã Nguyễn Trãi, huyện An Thi năm 2005. Sau khi cưới anh chị chung sống và có 02 con chung. Đến năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và cảm thấy không ở được với nhau nữa và anh chị sống ly thân từ đó đến bây giờ. Đến nay chị xác định tình cảm không còn. Vì vậy, đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 02 con chung là cháu Trần Thị Thùy D, sinh ngày 18/4/2006 và cháu Trần Phi H, sinh ngày 12/7/2009. Hiện cả 02 cháu đang học

tập ở Phú Thọ. Nay ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không đề nghị giải quyết.

Anh H trình bày: Anh và chị H đến với nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn từ năm 2005 tại UBND xã Nguyễn Trãi. Sau khi cưới anh chị sống ở Đông Anh- Hà Nội, đến năm 2009 về thị trấn Ân Thi sinh sống. Đến năm 2015 cuộc sống vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian đó anh đã 2 lần gửi đơn ly hôn đến Tòa án, lần 1 vào giữa năm 2016, lần 2 vào tháng 6/2023 mà vẫn chưa được giải quyết. Nay chị H xin ly hôn anh đồng ý ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng không còn.

Vợ chồng tôi có 02 con chung là cháu Trần Thị Thùy D, sinh ngày 18/4/2006 và cháu Trần Phi H, sinh ngày 12/7/2009. Anh có nguyện vọng nuôi 01 con chung và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không đề nghị giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Cóm (mẹ đẻ của anh H) trình bày: Anh chị đến với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi vào năm 2005 và có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán. Sau khi cưới anh chị chung sống với nhau tại Hà Nội được 01 con gái lớn thì vợ chồng mâu thuẫn vì tiền bạc, bà khuyên anh chị về Ân Thi sinh sống làm ăn, sau này làm ăn không được thì anh chị mâu thuẫn nguyên nhân là do H có quan hệ bất chính với người khác, tuy không có chứng cứ. Bà hòa giải anh chị thì anh chị ở được vài ngày thì chị H mang 2 con lên Phú Thọ ở với mẹ đẻ. Hai vợ chồng đã không chung sống cùng nhau 10 năm. Nay chị H xin ly hôn anh H, việc anh chị có ở được với nhau hay không là quyền của anh chị.

Về con chung: Có 02 con chung là Trần Thị Thùy D, sinh ngày 18/4/2006 và Trần Phi H, sinh ngày 12/7/2009.

Về tài sản chung: Không có.

Tại biên bản xác minh với UBND xã Nguyễn Trãi: Ngày 23/10/2005 anh H, chị H đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên. Sau khi kết hôn vợ chồng anh H, chị H không sinh sống tại địa pH nên UBND xã không nắm được chị H, anh H có mâu thuẫn hay không.

Về con chung: Chị H, anh H và 02 con chung là cháu Trần Thị Thùy D, sinh ngày 18/4/2006 và cháu Trần Phi H, sinh ngày 12/7/2009. Hộ khẩu thường trú tại Nhân Lý, Nguyễn Trãi, Ân Thi.

Về tài sản chung, công sức: UBND xã không nắm được

Tại pH tòa ngày 12/12/2023: Chị H vắng mặt lần thứ 1, anh H có mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 BLTTDS, HĐXX hoãn pH tòa:

Tại pH tòa ngày 22/12/2023: Chị H vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, đến nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn anh H. Anh H nhất trí ly hôn.

*** Ý kiến và quan điểm của đại diện VKSND huyện tham gia pH tòa:**

+ Về chấp hành pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 BLTTDS

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký pH tòa: Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo các quy định của BLTTDS về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Điều 70, Điều 71, Điều 72 BLTTDS.

+ Về đường lối giải quyết: căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 BLTTDS, khoản 1 Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Hồng H, xử cho chị H được ly hôn anh Trần Văn H.

Về con chung: Giao cho chị H được quyền chăm sóc nuôi dưỡng cả 02 con chung là cháu Trần Thị Thùy D và cháu Trần Phi H đến tuổi thành niên, anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, anh H có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí DSST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi ngH cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại pH toà và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh H, chị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên vào ngày 23/10/2005. Do đó quan hệ hôn nhân giữa anh H, chị H là hợp pháp. Nay chị H có đơn xin ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung. Anh H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại A NL, NT, Ân Thi nên việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Xét mâu thuẫn vợ chồng: Anh H, chị H đều xác định năm 2015, vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng cảm thấy không ở được với nhau nữa, hôn nhân không có hạnh phúc. Do mâu thuẫn, vợ chồng

sống ly thân nhau từ thời gian đó không ai quan tâm tới ai. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ anh H, chị H đến trụ sở Tòa án để tiến hành phân tích hòa giải để anh chị về đoàn tụ. Tuy nhiên, anh H, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên thống nhất ly hôn thể hiện việc anh H đã làm đơn xin ly hôn chị H vào năm 2016 và tháng 6/2023 và anh H, chị H đã có thời gian 08 năm sống ly thân nhau. Từ phân tích trên, HĐXX thấy hôn nhân giữa anh H, chị H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh H, chị H không còn yêu, quý trọng nhau nữa, vợ chồng đã có thời gian dài sống ly thân nhau phù hợp với lời khai của bà Cóm (mẹ đẻ của anh H), vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp với pháp luật và thực tế vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh H, chị H có 02 con chung là cháu Trần Thị Thùy D, sinh ngày 18/4/2006 và cháu Trần Phi H, sinh ngày 12/7/2009. Hiện nay các cháu đang sinh sống và học tập ở Phú Thọ. Nay ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh H có nguyện vọng được nuôi 01 con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét thấy đây là nguyện vọng chính đáng của các đương sự, thể hiện được trách nhiệm của các bậc làm cha, làm mẹ. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án các cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét nguyện vọng của anh H, chị H và các cháu, HĐXX nhận thấy: Cháu D gần đủ 18 tuổi, cháu H đã hơn 14 tuổi đều đã lớn, tự chăm sóc bản thân và các cháu đang học tập ở Phú Thọ từ năm 2015 cho đến nay, thời điểm đó các cháu còn nhỏ. Chị H có công việc và thu nhập trung bình khoảng 15.000.000 đồng/tháng, anh H lái xe công nghệ ở Hà Nội và có làm thêm trang trại thu nhập khoảng 30.000.000 đồng nhưng anh H không cung cấp được tài liệu thể hiện thu nhập trên. Vì vậy, với điều kiện nuôi con của chị H, anh H và để tránh xáo trộn trong học tập vì các cháu đều cuối cấp, sinh hoạt của các cháu nên giao cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung đến tuổi thành niên và việc chị H không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung là tự nguyện nên anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H. Anh H có quyền đi lại, thăm lom con chung không được ai ngăn cản.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh H, chị H không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị Hồng H được ly hôn anh Trần Văn H

2- Về con chung: Giao hai con chung là Trần Thị Thùy D, sinh ngày 18/4/2006 và cháu Trần Phi H, sinh ngày 12/7/2009 cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên. Anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H. Anh H có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

4 - Về án phí : Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0000702 ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Chị H đã nộp đủ.

5- Quyền kháng cáo: Anh H, chị H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT;
- VK SND + THADS huyện;
- Đương sự;
- UBND xã Nguyễn Trãi, Ân Thi, Hưng Yên;
- Lưu HS

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PH TÒA**

Phạm Bá Hân

